TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2019/DS-PT
Ngày: 10- 6- 2019
V/v "Tranh chấp di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 6 và 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2018/DSPT ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 920/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc C (chết ngày 30/12/2010).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng

1/ Bà Phùng Xuân H

2/ Ông Nguyễn Đức D

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông D: Ông Nguyễn Ngọc M, địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Khắc Phương công tác tại Văn phòng luật sư Khắc Phương thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Huỳnh M

Địa chỉ: Số A, ấp L, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là: + Ông Nguyễn Ngọc H, (có mặt).

Địa chỉ: A, khu vực B, phường K, quận K, thành phố Cần Thơ.

+ Ông Nguyễn Thanh T, địa chỉ: Số A, ấp L, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Đình Giá thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Ngọc A

2/ Ông Nguyễn Ngọc A1

Cùng địa chỉ: xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông Lương Công H

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

4/ Ông Lương Hoàng D

5/ Bà Lương Tố N

6/ Bà Lương Thị Diễm K

7/ Ông Lương Hoàng Nam T

8/ Bà Lương Thị Kim T

9/ Ông Lương Công T

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ

Ông D, bà N, bà K, ông Nam T, bà Kim T, ông Công T là con của ông Lương Bá T (đã chết).

10/ Ông Nguyễn Ngọc C

Địa chỉ: A Rue Dollardder B Meaux Gatineau QC Canada

11/ Ông Nguyễn Ngọc L

Địa chỉ: S Booth Street Ottawa Ontario Canada

12/ Bà Nguyễn N

13/ Ông J N Nguyễn

Cùng địa chỉ: 5 Edmondson, Crescent, Caramar – NSW 2163, USTRALIA

Ông J N Nguyễn là con của ông Nguyễn Ngọc H (đã chết).

14/ Ông Nguyễn Ngọc Q

15/ Ông Nguyễn Ngọc M

16/ Bà Nguyễn Thị Kim T

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện hợp pháp của ông A, ông A1, ông H, ông D, bà N, bà K, ông Nam T, bà Kim T, ông Công T, bà T, ông C, ông L, bà N, ông Nguyễn, ông Q.

17/ Ông Đặng Thành T (chết ngày 10/5/2000).

18/ Bà Nguyễn Lê B

19/ Bà Đặng Thị B

Bà B, B có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp (ngày 20/5/2014).

Cùng địa chỉ: Phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Bà B, ông T, bà B là con của bà Nguyễn Thị T (đã chết ngày 22/3/2013).

20/ Ông Nguyễn Ngọc H

21/ Ông Nguyễn Thanh T

22/ Bà Nguyễn Thị Huỳnh N

23/ Bà Nguyễn Thị Như N

24/ Bà Nguyễn Thị Như H

25/ Bà Nguyễn Thị Như H1

Cùng địa chỉ: Số A, ấp L, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

26/ Ông Nguyễn Ngọc B

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ

Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2008 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2009, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C trình bày và yêu cầu:

Mẹ ông là bà Nguyễn Thị H2 sinh năm 1922, Trước khi về chung sống với cha ông thì mẹ ông có 04 con riêng với chồng trước (đã chết) là:

1/ Ông Lương Công H.

2/ Ông Lương Bá T (chết năm 1998) có 06 người con gồm: (Lương Hoàng D, Lương Tố N, Lương Thị Diễm K, ông Lương Hoàng Nam T, Lương Thị Kim T, Lương Hoàng Công T)

3/ Bà Nguyễn Thị Huỳnh M

4/ Ông Nguyễn Ngọc B.

Sau khi về sống chung với cha ruột của ông là ông Nguyễn Ngọc M sinh năm 1923 thì cha mẹ ông có 7 người con gồm: Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn N , Nguyễn Ngọc C,

Nguyễn Ngọc H (chết năm 1988 có vợ là Trần Thị Ngọc Tr nay là Nguyễn N và con là J N Nguyễn).

Khi chung sống cha mẹ ông có tạo lập một khối tài sản đó là quyền sử dụng đất các thửa 07,126,670 tổng diện tích 15.523m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000451/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cũ cấp ngày 20/8/1994 do ông Nguyễn Ngọc M. Trong đó,

- Thửa 07 có diện tích 14.250m^2 (đất lúa), tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Thửa 670, diện tích 91m^2, tờ bản đồ 03, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Thửa 126, diện tích 1.182m^2, loại đất ONT, CLN tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện N, thành phố Cần Thơ.

Cha ông là Nguyễn Ngọc M chết ngày 05/01/2002, mẹ ông chết ngày 28/11/2002. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Do đó, phần tài sản này là di sản thừa kế của các con ông M, bà H2.

Tuy nhiên, hiện nay bà Nguyễn Thị Huỳnh M đang quản lý, chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000451/QSDĐ và đang sử dụng diện tích 14.341m^2 tại thửa 670 và thửa đất 07 diện tích 91m^2. Phần diện tích còn lại 1.182m^2 do ông Nguyễn Ngọc C quản lý sử dụng.

Trong số những người thừa kế của ông M, bà H2 đã có văn bản nhượng quyền hưởng di sản thừa kế cho ông bao gồm:

Những người thừa kế theo pháp luật: ông Lương Công H, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Ngọc A3, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Ngọc M.

Những người thừa kế thế vị là: Đặng Thị A, Lương Hoàng D, Lương Tố N, Lương Thị Diễm K, Lương Hoàng Nam T, Lương Thị Kim T, Lương Hoàng Công T. Cháu và em dâu là bà Nguyễn N, J N Nguyễn.

Tất cả những người kể trên đều đã có văn bản nhượng quyền hưởng di sản thừa kế cho ông.

Do bà M không đồng ý và cố tình sử dụng đất nên phát sinh tranh chấp và được hòa giải cơ sở ngày 29/6/2007 nhưng không thành.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh M phải trả lại diện tích 14.341m^2. Trong đó, 91m^2 tại thửa 670 và 14.250m^2 tại thửa 07. Đồng thời ông xin nhận phần đất của ông và các đồng thừa kế được hưởng là 12.907m^2.

Ngày 30/12/2010 ông Nguyễn Ngọc C chết. Tại Tờ khai hộ tịch ngày 13/9/2012 ông C có vợ là bà Phùng Xuân H và một người con là Nguyễn Đức D.

Sau khi ông C chết thì ông Lương Công H, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Ngọc A3, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc Q có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày tại bản tự khai ngày 27/02/2009: Bà Nguyễn Thị Huỳnh M là con của ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H2 chết năm 2002 không để lại di chúc. Phần đất 15.523m^2 bao gồm 91m^2 đất thổ cư, trong đó bà M sử dụng 14.250m^2 thuộc thửa 670, còn phần đất 1.182m^2 thuộc thửa 126 thì do ông Nguyễn Ngọc C sử dụng.

Ngày 30/12/1990 ông M, bà H2 lập tờ cho đất cho con trong đó bà M được chia 03 công đất (khoảng 3900m^2), ông Nguyễn Ngọc Q được 2 công nhưng sau đó đã bán cho bà M.

Đến ngày 01/4/1994, ông M bà H2 tiếp tục làm tờ nhượng đất thuộc thửa 270 có bao gồm 91m^2 cho bà M. Đến năm 1999 ông M, bà H2 làm tờ cho 7.125m^2 đất cho cháu là Nguyễn Thanh T (con bà M).

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C, bà M không đồng ý với yêu cầu này. Nếu chia thừa kế thì bà yêu cầu chia toàn bộ diện tích 15.523m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000451 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp cho ông M cho tất cả các con của ông M, bà H2.

Sau đó, bà M ủy quyền tiếp cho ông Nguyễn Ngọc H. Tại bản tự khai ngày 20/9/2013 – người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Thống nhất với trình bày của ông T về diện tích đất tranh chấp, diện tích đất các bên sử dụng. Ông H còn trình bày ngày 01/4/1994, ông M bà H2 làm tờ mượn đất và nhà thuộc thửa 670 diện tích 91m^2 cho bà M. Đến năm 1999 ông M, bà H2 làm tờ cho 7.125m^2 đất cho cháu là Nguyễn Thanh T (con bà M). Sau đó ông T để lại cho bà M sử dụng. Bà M yêu cầu chia phần đất 1.182m^2 đất do ông C sử dụng.

Bà M tiếp tục ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T: Ông T thống nhất với lời khai của ông H và ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Ông Lương Công H** trình bày tại bản tự khai ngày 11/02/2004: Ông là con trưởng của ông Nguyễn Ngọc M bà Nguyễn Thị H2. Phần đất 15.523m^2 thuộc 3 thửa đất 07,270,670 là tài sản của ông Nguyễn Ngọc M. Ông đồng ý nhượng quyền thừa kế của ông đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C. Sau

khi, ông C chết thì ông Lương Công H có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

2/ **Ông Nguyễn Ngọc Q** trình bày tại bản tự khai ngày 16/02/2009: Ông là con của ông M, bà H2. Bà thống nhất với trình bày của ông Lương Công H về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế. Ông đồng ý nhượng quyền thừa kế của ông đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C. Sau khi, ông C chết thì ông Nguyễn Ngọc Q có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

3/ **Nguyễn Thị Kim T** trình bày: Bà là con của ông M, bà H2. Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế. Bà đồng ý nhượng quyền thừa kế của bà đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì bà Nguyễn Thị Kim T có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

4/ **Ông Nguyễn Ngọc B**: Ông là con của ông M bà H2. Ông thống nhất với lời trình bày của ông Lương Công H về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế. Ông đồng ý nhượng quyền thừa kế của ông đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì ông Nguyễn Ngọc B có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

5/ **Bà Đặng Thị A** trình bày tại bản tự khai ngày 11/02.2009: Bà là con dâu của ông M, bà H2. Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế của ông M bà H2 Bà đồng ý nhượng quyền thừa kế của bà đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì bà Đặng Thị A có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

6/ **Bà Lương Thị Diễm K** trình bày tại bản tự khai ngày 11/02.2009: Bà là cháu nội của ông M, bà H2. Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế của ông M bà H2. Bà đồng ý nhượng quyền thừa kế của bà đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì bà Lương Thị Diễm K có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

7/ **Ông Lương Hoàng Công T** trình bày tại bản tự khai ngày 11/02/2009: Ông là cháu nội của ông M, bà H2. Ông thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế của ông M bà H2. Ông đồng ý nhượng quyền thừa kế của ông đối với tài sản trên cho

ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì ông Lương Hoàng Công T có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

8/ **Ông Lương Hoàng D** trình bày tại bản tự khai ngày 16/02/2009: Ông là cháu nội của ông M, bà H2. Ông thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế của ông M bà H2. Ông đồng ý nhượng quyền thừa kế của ông đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì ông Lương Hoàng D có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

9/ **Bà Lương Thị Kim T** trình bày tại bản tự khai ngày 11/02/2009: Bà là cháu nội của ông M, bà H2. Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế của ông M bà H2. Bà đồng ý nhượng quyền thừa kế của bà đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì bà Lương Thị Kim T có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

10/ Ông Lương Hoàng Nam T trình bày tại bản tự khai ngày 11/02/2009: Ông là cháu nội của ông M, bà H2. Ông thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế của ông M bà H2. Ông đồng ý nhượng quyền thừa kế của ông đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì ông Lương Hoàng Nam T có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

11/ **Ông Nguyễn Ngọc A** trình bày tại bản tự khai và văn bản nhượng quyền ngày 04/3/2009: Ông là con của ông M, bà H2. Ông thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế của ông M bà H2. Ông đồng ý nhượng quyền thừa kế của ông đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì ông Nguyễn Ngọc A có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

12/ **Ông Nguyễn Ngọc A1** trình bày tại bản tự khai và văn bản nhượng quyền ngày 04/3/2009: Ông là con của ông M, bà H2. Ông thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế của ông M bà H2. Ông đồng ý nhượng quyền thừa kế của ông đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì ông Nguyễn Ngọc A1 có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

13/ **Bà Lương Tố N** trình bày tại bản tự khai ngày 16/02/2009: Bà là cháu nội của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị H2. Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Ngọc Q về nguồn gốc và diện tích đất là di sản thừa kế. Bà đồng ý nhượng quyền thừa kế của bà đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì bà Lương Tố N có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

14/ **Nguyễn Ngọc M** thống nhất với trình bày như trên của ông Nguyễn Ngọc C.

15/ Bà **Nguyễn Thị Thu C (3 Khôi)** trình bày tại bản tự khai ngày 04/3/2009: Bà là con của ông M, bà H2. Bà cho rằng tài sản tranh chấp là do ông M tạo lập. Bà đồng ý nhượng quyền thừa kế của bà đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì bà Nguyễn Thị Thu C có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

16/ Bà **Nguyễn Thị T** trình bày tại bản tự khai ngày 04/3/2009: Bà là con của ông M, bà H2. Bà cho rằng tài sản tranh chấp là tài sản của ông M tạo lập. Bà đồng ý nhượng quyền thừa kế của bà đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì bà Nguyễn Thị T có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

17/ Bà **Nguyễn N** trình bày: Tại hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2012 được hợp pháp hóa lãnh sự quán ngày 14/12/2012, bà Nguyễn N trình bày: Bà ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc M được quyền liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục nhận thừa kế và được toàn quyền quyết định phần giá trị thừa kế của bà.

17/ **Ông J N Nguyễn** trình bày: Tại hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2012 được hợp pháp hóa lãnh sự quán ngày 14/12/2012, Ông J N Nguyễn trình bày: Ông ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc M được quyền liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục nhận thừa kế và được toàn quyền quyết định phần giá trị thừa kế của ông.

18/ Bà **Nguyễn Lê B** trình bày tại bản tự khai ngày 20/5/2014: Bà là cháu ngoại của ông M, bà H2 (con ruột bà Nguyễn Thị T đã chết ngày 22/3/2013). Bà cho rằng tài sản tranh chấp là tài sản của ông M tạo lập. Bà đồng ý nhượng quyền thừa kế của bà đối với tài sản trên cho ông Nguyễn Ngọc C và xin được vắng mặt tại phiên tòa các cấp. Sau khi, ông C chết thì bà Nguyễn Lê B có văn bản nhượng quyền thừa kế lại cho ông Nguyễn Ngọc M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2015/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 25 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 674,675,676,677 Luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin chia thừa kế của nguyên đơn.

1/ Di sản thừa kế của ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H2 được phân chia như sau:

- Phần đất có diện tích 14.731 m^2 được xác định tại thửa 07 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T (theo trích đo địa chính ngày 07/4/2010).

Được chia 15 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 982.066 m^2. Mỗi người con của ông M, bà H2 được hưởng 982.066m^2 (nếu chết thì thừa kế thế vị hưởng). Do bà Nguyễn Thị Huỳnh M đang quản lý sử dụng thửa đất nêu trên nên phải giao lại cho các đồng thừa kế khác 13.388,934m^2. Vì các đồng thừa kế khác (trừ thừa kế thế vị của ông Nguyễn Ngọc C) đã làm văn bản nhượng quyền cho ông Nguyễn Ngọc M nên bà M phải giao lại cho ông M 13.388,934m^2 đất nêu trên.

Phần đất có diện tích 920.2m^2 được xác định tại thửa 126 tờ bản đồ 03 tọa lạc tại Khu vực A, phường T, quận N (Theo trích đo địa chính ngày 26/4/2010) được chia 15 phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 61.34m^2. Mỗi người con của ông M, bà H2 được hưởng 61.34m^2 (Nếu chết thì thừa kế thế vị hưởng). Do ông Nguyễn Ngọc M đang quản lý sử dụng thửa đất và các đồng thừa kế khác nhượng quyền nên phải giao lại cho bà M 61.34m^2.

Phần nhà mỗi người được hưởng 23.653.908 đồng. Do ông M đang quản lý và sử dụng tài sản nên phải giao lại cho bà M 23.653.908 đồng.

Đối với phần đất có diện tích 119.6m^2 tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, hiện đã giải tỏa đền bù 62.496.000 đồng. Mỗi đồng thừa kế được hưởng 4.166.400 đồng. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 3 – Xây dựng cầu Vàm Cống giao cho bà M 4.166.400 đồng. Phần còn lại giao lại cho ông M thay mặt các đồng thừa kế đã nhượng quyền nhận. Ông M quản lý các kỷ phần thừa kế đã nhượng quyền, ủy quyền và giao lại khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Nguyễn Đình Giá là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M trình bày:

Bản án sơ thẩm xác định phần đất tại thửa số 07 diện tích 14.250m^2 và phần đất tại thửa số 670 diện tích 91m^2 (đo đạc thực tế là 119,6m^2) là di sản thừa

kế của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị H2 chết để lại là không đúng. Phần đất này khi ông M, bà H2 còn sống đã chuyển giao cho gia đình bà Nguyễn Thị Huỳnh M, gia đình bà M là người trực tiếp canh tác trên đất từ năm 1990 cho đến nay nên đất này không còn là di sản thừa kế của ông M, bà H2 nữa.

Trong bản kháng cáo có 3 chứng cứ bị đơn đưa ra tại phiên tòa sơ thẩm, bên nguyên đơn cũng thừa nhận ông bà tự tay ký để lại, theo luật thì những văn bản không có công chứng, tuy nhiên tự tay ký, được người khác thừa nhận thì hợp lệ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh M.

Ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Luật sư.

Ông Nguyễn Ngọc M và Luật sư Phạm Khắc Phương đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Trong quá trình chung sống, ông M và bà H2 cùng tạo lập một khối tài sản. Cả hai ông bà đều chết không để lại di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế nhưng không xem xét đến công sức đóng góp.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần di sản thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M yêu cầu được phân chia di sản thừa kế do cha mẹ là cụ Nguyễn Ngọc M và cụ Nguyễn Thị H2 để lại. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C chết vào ngày 30/12/2010. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C là bà Phùng Xuân H, ông Nguyễn Đức D vẫn tiếp tục yêu cầu khởi kiện của ông C; đề nghị được nhận phần đất mà ông C được hưởng từ di sản của cụ M, cụ H2 để lại. Bà H, ông D có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc M đại diện tham gia tố tụng trong vụ án. Bà H, ông D không có văn bản nhượng quyền cho ông M được

hưởng phần thừa kế của ông C để lại. Ông M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập. Bản án sơ thẩm sau khi xác định phần tài sản mà ông C được hưởng từ cụ M, cụ H2, lại không tuyên giao cho bà H, ông D mà lại giao cho ông M và buộc ông M, bà H, ông D phải liên đới chịu án phí đối với phần tài sản này là không đúng theo nội dung giấy ủy quyền, không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự chỉ phải chịu án phí đối với phần tài sản mà họ được phân chia.

[2] Tại phần nhận định của bản án có nêu tên của những người con được hưởng thừa kế của cụ M, cụ H2 và những người cháu được hưởng thừa kế thế vị. Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án lại không tuyên cụ thể tên của những người được hưởng kỷ phần mà chỉ tuyên chung "mỗi người con của ông M, bà H2 được hưởng… (nếu chết thì thừa kế thế vị hưởng)". Ngoài ra, cấp sơ thẩm không xác định rõ ranh giới, cột mốc, vị trí của phần diện tích đất mà bà M phải giao cho nguyên đơn (do bà H, ông D kế thừa), giao cho ông M cũng như phần đất ông M phải giao cho bà M. Việc án sơ thẩm chỉ tuyên buộc "bà M giao cho ông M 13.388,934 m^2 đất và ông M phải giao lại cho bà M 61.34 m^2 đất…" mà không xác định rõ vị trí, không có bản đồ hiện trạng thể hiện sẽ dẫn đến việc bản án không thể thi hành được.

[3] Bản án sơ thẩm tuyên "Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 3 – xây dựng cầu Vàm Cống giao cho bà M số tiền 4.166.400 đồng, số còn lại giao cho ông M nhận" nhưng lại không đưa đơn vị này vào tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm. Việc giao cho ông M nhận luôn phần tiền của phía nguyên đơn cũng không chính xác.

[4] Đối với phần đất có diện tích 119.6 m^2 và căn nhà trên đất tại thửa 670, tờ bản đồ số 03 hiện đã bị giải tỏa. Ngày 01/4/1994 ông M, bà H2 làm tờ nhượng nhà và đất với giá 02 lượng vàng 24K cho bà M. Trong hồ sơ vụ án chỉ là bản photocopy không có đối chiếu bản chính. Cấp sơ thẩm cho rằng văn bản này không có công chứng hoặc chứng thực nhưng trên thực tế bà M đã trả tiền chuyển nhượng cho cụ M, cụ H2 và bà M đã quản lý, sử dụng từ năm 1994 cho đến nay. Cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận cho bà M hưởng phần giá trị nhà còn phần giá trị đất vẫn đem chia thừa kế là không đảm bảo quyền lợi cho bà M.

[5] Đối với Tờ cho đất ngày 01/01/1999 có nội dung cụ M, cụ H2 cho ông Nguyễn Thanh T diện tích đất 7.125 m^2, thửa số 07 tờ bản đồ số 10: mặc dù Tờ cho đất chỉ có chữ ký của cụ M, cụ H2 nhưng trên thực tế ông T, bà M đã quản lý, sử dụng đất từ năm 1999 cho đến nay. Bản án sơ thẩm chỉ xem xét tính pháp lý của việc cho đất mà không xem xét đến công sức gìn giữ, tôn tạo đất của ông T, bà M. Theo lời trình bày của bà M thì thửa đất này hiện nay bà M đang

cho ông Giang thuê theo thời vụ nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông Giang vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Bởi lẽ nếu theo quyết định của án sơ thẩm thì bà M phải giao cho ông M 13.388,934 m^2 đất tại thửa số 07, nhưng ông Giang lại đang canh tác trên đất, nên cần làm rõ ông Giang có ý kiến gì trong vụ việc này, có yêu cầu gì về tiền thuê đất hay không, thời hạn để giao đất để thi hành bản án như thế nào?

[6] Từ những phân tích trên, nhận thấy, cấp phúc thẩm không thể thực hiện việc thu thập bổ sung các chứng cứ này được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Bà M, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Hủy bản án sơ thẩm số 06/2015/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Huỳnh M, ông Nguyễn Thanh T không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà M, ông T mỗi người 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 000861, 000862 ngày 07/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Sở tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự (15);
- Lưu (DTTP 42)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh

Các thẩm phán **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Phan Văn Yên **Phạm Trí Tuấn** **Nguyễn Văn Minh**